

GIẢI PHÁP ĐA DẠNG HÓA CÁC LOẠI HÌNH SINH KẾ GÓP PHẦN GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG Ở HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Thị Hòa

Lê Thu Quỳnh

Phạm Mạnh Hà

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp đa dạng hóa sinh kế nhằm giảm nghèo bền vững tại huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Trên cơ sở khung sinh kế bền vững của DFID (Department for International Development), nghiên cứu sử dụng số liệu điều tra hộ năm 2025 kết hợp với phương pháp thống kê mô tả, chỉ số đa dạng hóa sinh kế (LDI) và phân tích SWOT. Kết quả cho thấy, sinh kế của người dân Sơn Động vẫn chủ yếu dựa vào nông - lâm nghiệp truyền thống, giá trị thấp, dễ tổn thương trước biến động thị trường và rủi ro thiên tai. Chỉ số LDI của các hộ khảo sát đạt mức trung bình (Mean = 0,356), phản ánh sự thiếu đa dạng trong cơ cấu thu nhập. Một số mô hình sinh kế mới như trồng dược liệu dưới tán rừng, nuôi ong, sản phẩm OCOP (mỗi làng một sản phẩm), du lịch cộng đồng bước đầu đem lại hiệu quả nhưng chưa được nhân rộng. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp then chốt gồm: tăng cường đào tạo nghề gắn với thực tiễn; phát triển mô hình sinh kế bền vững theo lợi thế tài nguyên - văn hóa; mở rộng tín dụng và liên kết theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh vai trò hợp tác xã và nâng cao nhận thức cộng đồng.

Từ khóa: Giảm nghèo bền vững; Huyện Sơn Động; Loại hình sinh kế; Sinh kế.

LIVELIHOOD DIVERSIFICATION SOLUTIONS FOR SUSTAINABLE POVERTY REDUCTION IN SON DONG DISTRICT, BAC GIANG PROVINCE

Abstract: The paper analyzes livelihood diversification and proposes solutions for sustainable poverty reduction in Son Dong district, Bac Giang province. Using the DFID Sustainable Livelihoods Framework, 2025 household survey data, descriptive statistics, the Livelihood Diversification Index (LDI), and SWOT analysis, the study finds that local livelihoods remain mainly dependent on low-value, vulnerable agroforestry activities. The average LDI (0.356) indicates limited income diversification. Emerging models such as medicinal plant cultivation, beekeeping, OCOP (One Commune One Product), and community-based tourism show initial success but limited scale. On so doing, the paper proposes key solutions including strengthening vocational training, promoting sustainable livelihood models based on local advantages, expanding credit access and value-chain linkages, and enhancing the role of cooperatives and community awareness.

Keywords: Sustainable poverty reduction; Son Dong district; Livelihood types; Livelihoods.

1. Đặt vấn đề

Huyện Sơn Động, nằm ở phía đông bắc tỉnh Bắc Giang là một trong những huyện vùng cao đặc biệt khó khăn, cơ sở hạ tầng còn hạn chế, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội chưa thực sự thuận lợi. Huyện có diện tích 860,56km², chiếm 22% diện tích toàn tỉnh. Địa hình chủ yếu là đồi núi, trong đó đất lâm nghiệp chiếm 82,67% và độ che phủ rừng đạt 71,8%, có Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử - nơi không chỉ lưu giữ hệ sinh thái đa dạng mà còn gắn liền với không gian văn hóa - tâm linh đặc sắc của vùng. Huyện có dân số hơn 80 nghìn người, 30 thành phần dân tộc cùng chung sống gồm: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Cao Lan, Sán Chỉ... Đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm gần 60%, lưu giữ được nhiều phong tục độc đáo (Cổng thông tin điện tử huyện Sơn Động, 2023). Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo ở Sơn Động vẫn ở mức cao so với mặt bằng chung của cả tỉnh, nguyên nhân xuất phát từ mô hình sinh kế truyền thống còn lạc hậu, phụ thuộc nhiều vào khai thác rừng và sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ, manh mún, kém hiệu quả. Trong bối cảnh thay đổi hành chính, yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập ngày càng sâu rộng, việc tìm kiếm các giải pháp sinh kế đa dạng và phù hợp trở nên đặc biệt cấp thiết.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích thực trạng nghèo đói và các loại hình sinh kế của các hộ dân ở huyện Sơn Động, đồng thời xác định những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng đa dạng hóa sinh kế của người dân. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất hệ thống giải pháp nhằm góp phần giảm nghèo bền vững tại địa phương.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Khái niệm “sinh kế” được tiếp cận đa dạng trong nhiều nghiên cứu. Theo Chambers và Conway (1991), sinh kế bao gồm khả năng, tài sản và các hoạt động cần thiết để đảm bảo cuộc

sống, và được coi là bền vững khi có khả năng ứng phó, phục hồi sau những cú sốc, đồng thời duy trì và phát triển nguồn lực cho hiện tại và tương lai mà không gây tổn hại đến môi trường tự nhiên. Khung sinh kế bền vững (Sustainable Livelihoods Framework - SLF) do Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID, 1999) đề xuất là công cụ phân tích phổ biến, tập trung vào năm loại vốn: vốn nhân lực, vốn tự nhiên, vốn tài chính, vốn vật chất và vốn xã hội (DFID, 1999). Đây là nền tảng để đánh giá mức độ tổn thương, khả năng tiếp cận nguồn lực và cơ hội sinh kế của các nhóm dân cư, đặc biệt là hộ nghèo.

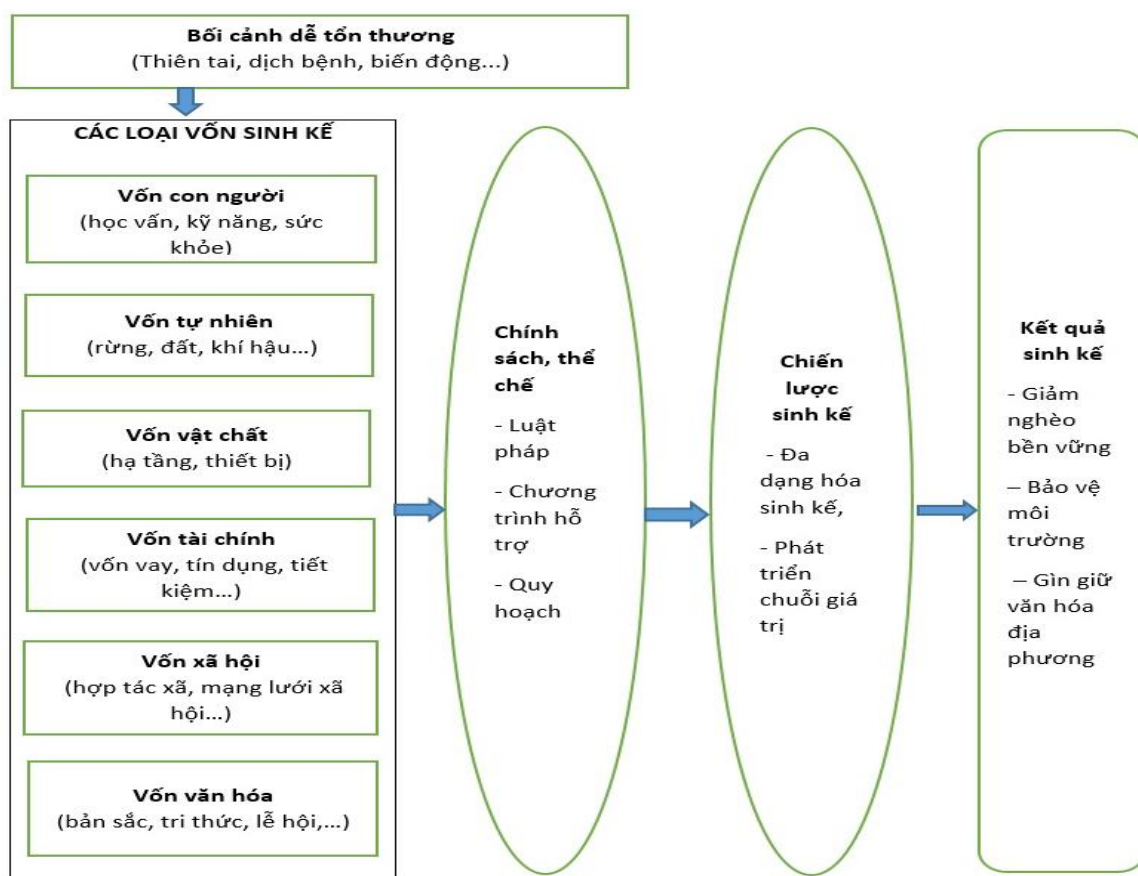
Tuy nhiên, nhiều học giả gần đây cho rằng năm loại vốn trong khung SLF vẫn chưa phản ánh đầy đủ tính đa chiều của sinh kế, nhất là trong bối cảnh vùng dân tộc thiểu số, nơi bản sắc và tri thức bản địa ảnh hưởng trực tiếp đến lựa chọn sinh kế. Do đó, “vốn văn hóa” được đề xuất bổ sung, bao gồm tập quán sản xuất, tri thức dân gian, tín ngưỡng, lễ hội và các giá trị truyền thống (Trịnh Thị Hạnh, 2021)^a. Vốn văn hóa không chỉ tạo động lực nội sinh, mà còn mở ra lợi thế khác biệt trong phát triển sinh kế dựa vào du lịch cộng đồng, thủ công truyền thống hay được liên kết gắn với tri thức bản địa. Các nghiên cứu ở Lâm Đồng, Thái Nguyên, Hà Giang hay Sóc Trăng cho thấy việc lồng ghép vốn văn hóa giúp cộng đồng vừa nâng cao thu nhập, vừa bảo tồn giá trị đặc thù (Huỳnh Ngọc Thu và cs, 2022; Nguyen Duc Bao et al, 2023; Nguyen Van Tam et al, 2023; Vũ Đình Mười, 2023; Nông Thị Vân Anh và cs, 2024). Như vậy, việc vận dụng SLF trong nghiên cứu sinh kế ở miền núi cần coi vốn văn hóa là thành tố bổ sung, nhằm phản ánh đầy đủ chiều cạnh kinh tế - xã hội - văn hóa và đảm bảo mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Từ tổng quan trên có thể thấy, khung sinh kế bền vững SLF là công cụ hữu ích nhưng cần được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với bối

cảnh cụ thể của từng vùng, đặc biệt là vùng miền núi, dân tộc thiểu số. Khoảng trống nghiên cứu hiện nay là thiếu những công trình phân tích sinh kế trong điều kiện vừa có tính đặc thù về văn hóa - xã hội, vừa có những thay đổi lớn về hành chính - chính trị như tại huyện Sơn Động. Do đó, nghiên cứu này lựa chọn khung sinh kế

bền vững với các yếu tố vốn con người, vốn tự nhiên, vốn tài chính, vốn vật chất, vốn xã hội, đồng thời có bổ sung yếu tố vốn văn hóa để phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp đa dạng hóa sinh kế, góp phần giảm nghèo bền vững cho địa phương (Hình 1).

HÌNH 1. KHUNG SINH KẾ MỞ RỘNG



Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp.

Dựa trên cơ sở lý thuyết sinh kế bền vững, nghiên cứu đặt ra một số giả thuyết. Giả thuyết chính cho rằng việc đa dạng hóa sinh kế thông qua mô hình nông - lâm kết hợp, phát triển sản phẩm OCOP và du lịch cộng đồng sẽ góp phần giảm nghèo bền vững cho người dân. Các giả thuyết phụ bao gồm: (i) hạn chế về vốn con người, vốn tài chính và cơ sở hạ tầng là những rào cản lớn đối với quá trình đa dạng hóa sinh kế; (ii) việc tận dụng tốt lợi thế về tài nguyên

rừng, khí hậu và văn hóa bản địa sẽ tạo ra những mô hình sinh kế có giá trị gia tăng cao và bền vững.

Phạm vi nghiên cứu được giới hạn trong không gian 8 xã và thị trấn thuộc huyện Sơn Động; về thời gian, nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp giai đoạn 2023 - 2025 kết hợp với khảo sát và phỏng vấn trực tiếp tiến hành trong năm 2025.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo hướng kết hợp giữa định tính và định lượng nhằm đảm bảo tính toàn diện trong phân tích. Dữ liệu định lượng được thu thập thông qua khảo sát 100 khách thể được chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Mẫu khảo sát gồm 100 hộ gia đình, trong đó phần lớn người trả lời ở độ tuổi lao động từ 31 - 59 (81,6%), nam giới chiếm ưu thế (72%) và đa số là chủ hộ hoặc vợ/chồng chủ hộ. Dân tộc Kinh chiếm 86%, còn lại là người Tày và Dao. Trình độ học vấn chủ yếu ở mức THCS (Trung học cơ sở) và THPT (Trung học phổ thông), tỷ lệ qua đào tạo chuyên môn còn hạn chế, nghề nghiệp chính vẫn là nông nghiệp (74%) với kinh nghiệm trên 5 năm. Đa số hộ được xếp loại mức sống trung bình (72,4%), có quyền sử dụng đất ở và đất sản xuất nông nghiệp.

Song song với đó, nghiên cứu cũng thu thập dữ liệu định tính thông qua phỏng vấn sâu 10 người, bao gồm cán bộ quản lý cấp huyện, trưởng thôn và đại diện các hộ dân. Thông tin định tính được sử dụng để giải thích bối cảnh, bổ sung chi tiết cho các con số thống kê, đồng thời làm rõ các yếu tố văn hóa - xã hội tác động đến sự lựa chọn sinh kế của người dân.

Về công cụ phân tích, các số liệu khảo sát được xử lý bằng thống kê mô tả nhằm xác định tỷ lệ nghèo, cơ cấu sinh kế và mức thu nhập bình quân của hộ dân. Nghiên cứu cũng sử dụng chỉ số đa dạng sinh kế (Livelihood Diversity Index - LDI) để đo lường mức độ đa dạng hóa sinh kế của các hộ, qua đó so sánh giữa các nhóm dân cư khác nhau. Trong nghiên cứu này, để lượng hóa mức độ đa dạng hóa sinh kế của hộ gia đình tại huyện Sơn Động, nhóm tác giả sử dụng chỉ số đa dạng hóa sinh kế (Livelihood Diversity Index - LDI). Đây là một thước đo định lượng được xây dựng trên cơ sở công thức Simpson Diversity Index, phản ánh mức độ phân bố và cân bằng giữa các nguồn thu nhập

khác nhau của hộ gia đình. Công thức được áp dụng như sau:

$$LDI = 1 - \sum(P_i^2)$$

Trong đó:

P_i = Tỷ trọng thu nhập từ nguồn sinh kế thứ i

Σ = Tổng của tất cả các nguồn sinh kế

LDI dao động từ 0 (hoàn toàn phụ thuộc vào 1 nguồn) đến 1 (đa dạng tối đa các nguồn). Việc áp dụng chỉ số này cho phép đánh giá một cách khách quan mức độ đa dạng hóa sinh kế tại địa phương, từ đó làm cơ sở để phân tích khả năng giảm nghèo bền vững và đề xuất giải pháp phát triển sinh kế phù hợp.

Ngoài ra, phương pháp phân tích SWOT được áp dụng để đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong phát triển sinh kế bền vững tại địa phương.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng thừa nhận những hạn chế nhất định. Với cỡ mẫu 100 hộ, kết quả phân tích chỉ mang tính đại diện tương đối, chưa phản ánh đầy đủ toàn bộ dân số huyện Sơn Động. Đồng thời, do phụ thuộc nhiều vào dữ liệu sơ cấp, các thông tin về thu nhập có thể tồn tại sai số nhất định.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng nghèo đói và sinh kế ở huyện Sơn Động

Trong cơ cấu kinh tế của huyện Sơn Động ngành nông - lâm nghiệp chiếm tỷ trọng cao. Các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại bước đầu có phát triển nhưng chưa thực sự tạo ra đột phá do quy mô nhỏ lẻ, hạ tầng yếu và khả năng thu hút đầu tư còn hạn chế. Trong nông nghiệp, người dân chủ yếu canh tác các loại cây trồng truyền thống như lúa, ngô, rau màu; chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà và nuôi cá nhỏ; khai thác rừng trồng, nấm lim xanh, măng rừng và các loại dược liệu. Tuy nhiên, các hoạt động này vẫn mang tính tự phát,

nhỏ lẻ, thiếu ứng dụng khoa học kỹ thuật và chưa tạo được chuỗi giá trị hiệu quả. Điều này dẫn đến tình trạng nghèo đói ở huyện Sơn Động còn ở mức cao so với bình quân chung toàn tỉnh. Theo báo cáo rà soát năm 2024, toàn huyện có 2.176 hộ nghèo, chiếm 10,26% tổng số hộ dân; 1.952 hộ cận nghèo, chiếm 9,20%. Mặc dù so với năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo đã giảm mạnh (tổng giảm 11,43%), phản ánh những thách thức căn bản trong phát triển sinh kế và tạo việc làm. Đáng chú ý, một số xã có tỷ lệ hộ nghèo rất cao như Phúc Sơn (17,34%), Hữu Sản, An Lạc, Vân Sơn, Thanh Luận đều trong khoảng từ 15 - 17%, cho thấy sự phân hóa không đều trong mức sống giữa các vùng trong huyện (UBND huyện Sơn Động, 2024)^a.

Nguyên nhân nghèo đói tại Sơn Động được chỉ ra rõ ràng qua kết quả phân tích các chỉ số thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản. Trong tổng số hộ nghèo và cận nghèo năm 2024, có đến 57,85% hộ thiếu việc làm ổn định – đây là nguyên nhân chiếm tỷ lệ cao nhất. Tiếp theo là yếu tố người phụ thuộc cao (chiếm 32,46%), cho thấy nhiều hộ có trẻ nhỏ, người già hoặc người không có khả năng lao động mà thiếu người lao động chính (UBND huyện Sơn Động, 2024)^a. Ngoài ra, tồn tại các yếu tố khác như thiếu dinh dưỡng, thiếu khả năng tiếp cận giáo dục, y tế, thông tin, nhà ở an toàn và nước sạch. Những thiếu hụt này đang trực tiếp ảnh hưởng đến khả năng nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng sống của người dân nghèo.

Mặc dù huyện Sơn Động đã đạt được một số kết quả tích cực trong công tác giảm nghèo, với tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 4-5%/năm, song trên thực tế, công cuộc giảm nghèo vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Năm 2024, tổng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của huyện lên tới hơn 161 tỷ đồng, song tiến độ giải ngân tính đến ngày 9/12/2024 mới đạt 63,38%, điều này phản ánh những hạn chế trong việc triển khai

thực hiện. Một số dự án chưa phát huy hiệu quả như mong đợi, tình trạng người dân trông chờ vào hỗ trợ của Nhà nước vẫn còn phổ biến, đặc biệt trong các hộ nghèo, hộ cận nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số. Ngoài ra, khó khăn về địa hình, điều kiện tự nhiên, biến đổi khí hậu, cùng với năng lực lập dự án và quản lý vốn tại cấp xã còn hạn chế cũng là nguyên nhân cản trở tiến độ và hiệu quả giảm nghèo bền vững trên địa bàn (UBND huyện Sơn Động, 2024)^b.

Thực trạng sinh kế hiện tại của người dân huyện Sơn Động vẫn chủ yếu dựa vào các hoạt động nông - lâm nghiệp truyền thống, gắn với điều kiện tự nhiên và đặc điểm dân cư địa phương. Trong lĩnh vực nông nghiệp, canh tác lúa nước vẫn chiếm vai trò trung tâm với diện tích gieo trồng lớn, song năng suất còn thấp và dễ bị ảnh hưởng bởi thời tiết. Ngoài ra, một số cây trồng khác như ngô, khoai, rau màu, đậu đỗ... được trồng phổ biến để phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội hộ. Những vùng có lợi thế đất đồi phát triển trồng cây ăn quả như cam, bưởi, nhãn, chuối... nhưng hiệu quả kinh tế chưa thực sự ổn định do thiếu kỹ thuật chăm sóc và đầu ra bấp bênh. Theo số liệu khảo sát năm 2025, phần lớn hộ dân có đất sản xuất nông nghiệp, song canh tác còn nhỏ lẻ, manh mún và phụ thuộc vào mùa vụ. Tình hình sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp và thủy sản giảm 3,84% so với năm 2023 (UBND huyện Sơn Động, 2024)^c. Chăn nuôi là sinh kế thiết yếu tại hầu hết các hộ gia đình, tập trung vào các vật nuôi quen thuộc như trâu, bò, lợn, gà, vịt nhưng chủ yếu theo quy mô nhỏ, tự phát, thiếu liên kết chuỗi và chưa đáp ứng các tiêu chuẩn hàng hóa. Một số mô hình như nuôi ong lấy mật, dê núi, lợn đen bản địa bước đầu cho thấy tín hiệu tích cực nhưng chưa được phổ biến rộng rãi do thiếu hỗ trợ kỹ thuật và đầu tư ban đầu. Lâm nghiệp giữ vai trò quan trọng đối với sinh kế của nhiều xã vùng sâu, vùng xa. Người dân tham gia trồng rừng sản

xuất với các loại cây như keo, bạch đàn và khai thác lâm sản ngoài gỗ như măng, nấm lim xanh, song mây... Tổng giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2024 theo giá hiện hành đạt 885,5 tỷ đồng, bằng 105,3% so với năm 2023; hiệu quả kinh tế của đất rừng trồng đạt 24 triệu đồng/ha/năm. Năm 2024 khai thác được 4.208,5ha rừng trồng, sản lượng gỗ là 519.445,4m³ (UBND huyện Sơn Động)^c. Tuy nhiên, phần lớn rừng được canh tác theo hướng chu kỳ ngắn ngày, ít giá trị gia tăng và chịu rủi ro lớn từ thị trường lẫn thiên tai. Các sinh kế phụ từ khai thác tự nhiên như thu hái lá thuốc, săn bắt, đánh cá suối hay làm thuê thời vụ vẫn tồn tại và đóng vai trò quan trọng đối với các hộ nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, những hình thức này thiếu tính bền vững, phụ thuộc nhiều vào thời vụ và đối mặt với nguy cơ suy giảm tài nguyên. Hoạt động phi nông nghiệp như thương mại, dịch vụ, du lịch và tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển nhất định ở các khu vực có điều kiện giao thông thuận lợi như Tây Yên Tử, An Châu. Tuy nhiên, thu nhập trung bình từ các ngành nghề này trong cơ cấu sinh kế của hộ gia đình vẫn còn thấp và thiếu khả năng lan tỏa đến các khu vực khác.

Từ thực trạng nêu trên, có thể thấy bài toán giảm nghèo ở Sơn Động không chỉ phụ thuộc vào hỗ trợ tài chính ngắn hạn, mà cần có chiến lược tổng thể trong cải thiện sinh kế, nâng cao năng lực người dân, phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu và tăng cường kết nối thị trường cho các sản phẩm nông - lâm nghiệp địa phương.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc đa dạng hóa sinh kế ở Sơn Động

Vốn con người: gồm trình độ học vấn, kỹ năng lao động, kinh nghiệm sản xuất và sức khỏe của người dân. Tại Sơn Động, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt tương đối nhưng chủ yếu là lao động phổ thông, thiếu kỹ năng sản xuất hiện đại. Theo số liệu năm 2024, tỷ lệ lao động qua đào tạo là 75,08%, trong đó được cấp văn

bằng chứng chỉ là 45,6% (Scoones, I., 1998). Hạn chế về kỹ năng sản xuất hiện đại khiến người dân khó tiếp cận các mô hình sinh kế mới, giá trị cao. Thực tế này cũng được phản ánh trong phỏng vấn sâu, khi một người dân tham gia vào khảo sát cho biết: “Chúng tôi quen làm theo kinh nghiệm, chưa được học kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn hay chăm sóc được liệu nên năng suất thấp, khó bán được giá cao”. (PVS nam, 35 tuổi, TT Tây Yên Tử).

Vốn tự nhiên: Sơn Động là huyện miền núi có diện tích rừng tự nhiên lớn, tài nguyên đa dạng, khí hậu mát mẻ, thuận lợi để phát triển các mô hình sinh kế nông - lâm kết hợp, chăn nuôi thả đồi, du lịch sinh thái... Tuy nhiên, khai thác tài nguyên chưa hiệu quả, tình trạng suy giảm tài nguyên rừng và đất canh tác còn xảy ra ở một số khu vực trong huyện (Trịnh Thị Hạnh, 2021)^b.

Vốn vật chất: Ở Sơn Động, hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, internet... tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn thiếu đồng bộ, đặc biệt tại các xã vùng sâu, vùng cao. Việc vận chuyển hàng hóa, nông sản gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận thị trường của người dân. Một số mô hình sinh kế có tiềm năng nhưng bị giới hạn do thiếu trang thiết bị, nhà xưởng chế biến hoặc kho bảo quản.

Vốn tài chính: Phần lớn hộ nghèo và cận nghèo gặp khó khăn trong tiếp cận vốn vay sản xuất. Theo kết quả khảo sát của nhiệm vụ năm 2025, có tới 50% tổng số người tham gia khảo sát cho biết gặp khó khăn là thiếu vốn sản xuất. Mặc dù có các chương trình tín dụng chính sách xã hội, nhưng mức vay còn thấp và thủ tục phức tạp. Hạn chế về vốn khiến người dân khó đầu tư mở rộng hoặc chuyển đổi mô hình sinh kế hiệu quả hơn. Kết quả phỏng vấn sâu một cán bộ thị trấn Tây Yên Tử cho thấy: “Nhiều hộ nghèo muốn vay vốn để trồng rừng hoặc nuôi ong nhưng ngại thủ tục, sợ không trả được nên thường chỉ dựa vào nguồn vốn nhỏ lẻ trong gia

đình”. (PVS nữ, 55 tuổi, cán bộ phụ nữ thị trấn Tây Yên Tử).

Vốn xã hội: Các thiết chế cộng đồng như tổ hợp tác, hợp tác xã, nhóm sở thích có vai trò quan trọng trong chia sẻ thông tin, liên kết sản xuất - tiêu thụ. Theo số liệu khảo sát của nhiệm vụ năm 2025, có 85,9% người dân tham gia vào ít nhất một tổ chức xã hội. Tuy nhiên, chỉ 48,5% người dân tham gia vào các tổ chức sản xuất như hợp tác xã, tổ hợp tác... Mạng lưới liên kết tiêu thụ và chia sẻ thông tin còn yếu, thiếu chiều sâu. Việc hạn chế trong vốn xã hội làm giảm khả năng tổ chức sinh kế theo chuỗi giá trị và tiếp cận thị trường bền vững.

Vốn văn hóa: Người dân Sơn Động, đặc biệt là đồng bào dân tộc Tày, Nùng, Dao,... sở hữu hệ thống tri thức bản địa về dược liệu, chăn nuôi, trồng trọt dưới tán rừng, cùng với các lễ hội, phong tục truyền thống giàu bản sắc. Đây là tiềm năng quan trọng để phát triển các sản phẩm OCOP, dịch vụ du lịch cộng đồng và tạo giá trị gia tăng dựa trên lợi thế khác biệt. Tuy nhiên, hạn chế nằm ở việc bản sắc văn hóa chưa được khai thác hợp lý, nguy cơ thương mại hóa và thiếu sự kết nối với thị trường du lịch rộng lớn.

Tổng hợp theo khung sinh kế bền vững mở rộng trên cơ sở khung sinh kế bền vững DFID,

có thể thấy sinh kế của người dân huyện Sơn Động chịu tác động đồng thời từ nhiều yếu tố, trong đó nổi bật là sự thiếu hụt về vốn con người, tài chính và vật chất - những nguồn lực then chốt để tạo ra chuyển biến sinh kế rõ nét. Dù huyện có lợi thế về vốn tự nhiên và tiềm năng phát triển vốn xã hội và văn hóa đặc thù thông qua các hình thức liên kết cộng đồng, nhưng chưa được khai thác hiệu quả. Sự thiếu đồng bộ trong hệ thống hạ tầng, hạn chế trong tiếp cận tín dụng, đào tạo nghề và dịch vụ hỗ trợ sản xuất khiến nhiều hộ dân vẫn loay hoay với mô hình sinh kế truyền thống, giá trị thấp. Do đó, để giảm nghèo một cách bền vững, cần có sự can thiệp đồng bộ nhằm củng cố các loại vốn sinh kế, tăng cường năng lực thích ứng và mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường cho người dân, đặc biệt thông qua thúc đẩy liên kết cộng đồng và chuyển đổi mô hình sinh kế theo hướng tích hợp và bền vững hơn.

3.3. Phân tích SWOT về đa dạng hóa sinh kế ở Sơn Động

Nhận diện đầy đủ các yếu tố S, W, O, T là cơ sở quan trọng để đề xuất các chiến lược phát triển phù hợp, tận dụng lợi thế, khắc phục hạn chế, khai thác cơ hội và chủ động ứng phó thách thức trong tiến trình giảm nghèo bền vững của huyện Sơn Động.

Điểm mạnh (Strengths - S)	Điểm yếu (Weaknesses - W)
- Tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp phong phú (82,67% diện tích); độ che phủ rừng cao (71,8%). - Khu bảo tồn Tây Yên Tử với hệ sinh thái đa dạng, tiềm năng du lịch sinh thái - tâm linh. - Khoáng sản (than, đồng, thiếc) và Nhà máy Nhiệt điện Sơn Động công suất 220 MW. - Bản sắc văn hóa dân tộc phong phú (31 dân tộc, nhiều lễ hội truyền thống). - Cơ sở hạ tầng thiết yếu được cải thiện: 100% đường liên xã bê tông hóa, điện lưới phủ toàn huyện.	- Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao; thu nhập bình quân thấp (32,5 triệu đồng/người/năm). - Nguồn nhân lực chủ yếu là lao động phổ thông, kỹ năng hạn chế. - Thiếu vốn sản xuất, khó tiếp cận tín dụng; hạn mức vay thấp. - Hạ tầng y tế, giáo dục chưa đồng bộ, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. - Hợp tác xã, tổ hợp tác còn yếu; liên kết sản xuất và tiêu thụ chưa hiệu quả.

Cơ hội (Opportunities - O)	Thách thức (Threats - T)
- Các chương trình mục tiêu quốc gia: giảm nghèo bền vững, phát triển KT-XH vùng DTTS, xây dựng nông thôn mới. - Xu hướng kinh tế xanh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với văn hóa. - Tiềm năng phát triển dược liệu, nuôi ong, sản phẩm OCOP dưới tán rừng. - Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, xuất khẩu lao động, khởi nghiệp nông thôn. - Đầu tư hạ tầng từ Trung ương và tỉnh (giao thông, thủy lợi, trường học, y tế).	- Biến đổi khí hậu, thiên tai (mưa lũ, sạt lở) tác động trực tiếp đến sinh kế. - Thị trường nông - lâm sản bấp bênh; thiếu bao tiêu, giá cả biến động. - Khai thác tài nguyên (rừng, khoáng sản) còn thiếu bền vững. - Tâm lý trông chờ hỗ trợ Nhà nước, hạn chế chủ động đổi mới sinh kế. - Cạnh tranh gay gắt trong phát triển du lịch và nông sản đặc sản với địa phương khác.

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp.

Chiến lược SO (tận dụng điểm mạnh để khai thác cơ hội)

Sơn Động có lợi thế lớn về tài nguyên rừng, hệ sinh thái đa dạng và bản sắc văn hóa phong phú. Đây là nền tảng để phát triển du lịch sinh thái - văn hóa cộng đồng gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó, diện tích đất lâm nghiệp rộng cùng khí hậu thuận lợi cho phép huyện mở rộng các mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng, nuôi ong lấy mật và phát triển sản phẩm OCOP đặc trưng. Cùng với hệ thống hạ tầng giao thông và điện lưới đã được cải thiện, các tiềm năng này tạo điều kiện thúc đẩy hình thành chuỗi giá trị nông - lâm sản, kết nối với thị trường trong và ngoài tỉnh.

Chiến lược ST (dựa vào điểm mạnh để hạn chế thách thức)

Bên cạnh lợi thế, Sơn Động cũng phải đối mặt với nhiều thách thức về thiên tai, biến động thị trường và sức ép khai thác tài nguyên. Để ứng phó, huyện cần tăng cường quản lý bền vững rừng và khoáng sản, hạn chế khai thác quá mức nhằm giảm nguy cơ suy thoái môi trường. Đồng thời, việc phát triển đa dạng các mô hình sinh kế như nông - lâm kết hợp, dịch

vụ du lịch hay tiêu thụ công nghiệp sẽ giúp giảm sự phụ thuộc vào thị trường nông sản vốn bấp bênh. Sự phong phú về lễ hội và văn hóa dân tộc cũng là một lợi thế để Sơn Động gia tăng sức cạnh tranh trong lĩnh vực du lịch so với các địa phương khác.

Chiến lược WO (khắc phục điểm yếu nhờ vào cơ hội)

Điểm yếu lớn của Sơn Động là nguồn nhân lực còn hạn chế về kỹ năng và vốn sản xuất, song có thể được khắc phục thông qua việc tận dụng các chương trình mục tiêu quốc gia. Cụ thể, huyện cần đẩy mạnh đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật sản xuất và hỗ trợ khởi nghiệp nông thôn cho thanh niên và đồng bào dân tộc thiểu số. Song song, cần mở rộng tiếp cận tín dụng ưu đãi, xây dựng quỹ tín dụng cộng đồng để giúp hộ nghèo có nguồn lực đầu tư sinh kế mới. Việc phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác gắn với sản phẩm OCOP cũng sẽ củng cố mạng lưới liên kết sản xuất - tiêu thụ, từng bước giảm tình trạng sản xuất nhỏ lẻ manh mún.

Chiến lược WT (giảm thiểu điểm yếu, tránh thách thức)

Trong điều kiện nhiều xã vùng sâu còn khó khăn, việc nâng cấp hạ tầng kinh tế - xã hội,

nhất là y tế, giáo dục và giao thông, là giải pháp quan trọng để giảm tính dễ tổn thương của hộ nghèo trước thiên tai và biến động thị trường. Đồng thời, huyện cần xây dựng cơ chế giám sát chặt chẽ việc khai thác tài nguyên, đảm bảo cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Một giải pháp không kém phần quan trọng là khuyến khích tinh thần tự lực của người dân thông qua các mô hình hỗ trợ có điều kiện, yêu cầu hộ tham gia phải đối ứng vốn hoặc cam kết duy trì mô hình. Cách tiếp cận này sẽ giúp hạn chế tâm lý trông chờ, ỷ lại, đồng thời thúc đẩy người dân chủ động hơn trong phát triển sinh kế.

Từ phân tích SWOT có thể thấy, định hướng phát triển sinh kế ở Sơn Động cần kết hợp đồng bộ cả bốn nhóm chiến lược. Trọng tâm là phát

huy thế mạnh về tài nguyên rừng và bản sắc văn hóa để khai thác cơ hội từ các chương trình hỗ trợ, đồng thời đa dạng hóa mô hình sinh kế nhằm giảm phụ thuộc vào nông nghiệp truyền thống và tăng khả năng chống chịu rủi ro. Song song với đó, việc đầu tư nâng cấp hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mở rộng tín dụng và củng cố liên kết cộng đồng sẽ là chìa khóa để khắc phục những điểm yếu nội tại và hạn chế tác động tiêu cực từ bối cảnh bên ngoài. Đây chính là định hướng chiến lược tổng thể giúp huyện Sơn Động khai thác lợi thế, vượt qua thách thức và tiến tới mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Kết quả phân tích mô tả về chỉ số đa dạng hóa sinh kế LDI của mẫu nghiên cứu được thể hiện ở Bảng 1.

BẢNG 1. PHÂN TÍCH MÔ TẢ VỀ LDI CỦA MẪU NGHIÊN CỨU

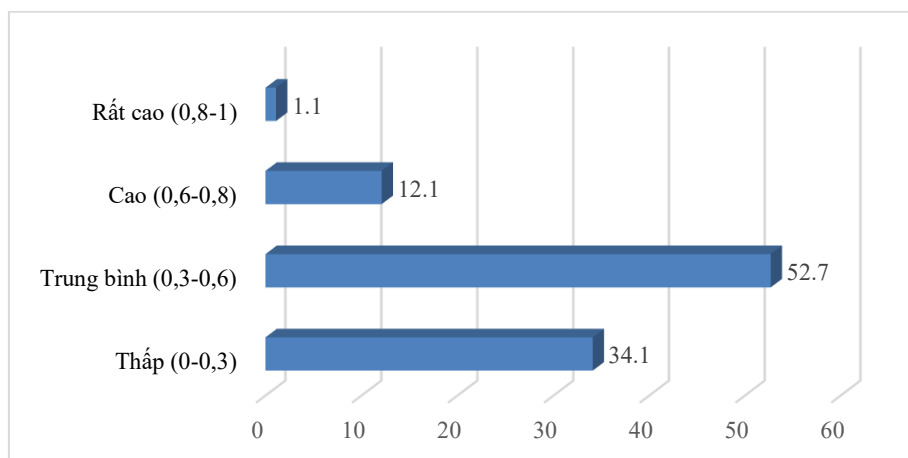
	Số lượng	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Tổng thu nhập (triệu đồng)	100	9,6	694	139,1174	100,19493
Sigma Pi ²	100	0,197848	1,000772	0,643886	0,208036594
Chỉ số đa dạng sinh kế (Simpson)	100	-0,0000772	0,802152	0,356114	0,208036594

Nguồn: Số liệu khảo sát của nhiệm vụ thực hiện năm 2025.

Kết quả tính toán từ mẫu khảo sát 100 hộ gia đình tại huyện Sơn Động cho thấy, mức độ đa dạng hóa sinh kế còn hạn chế. Tổng thu nhập bình quân của hộ đạt 139,1 triệu đồng/năm, với sự chênh lệch lớn giữa hộ có thu nhập thấp nhất (9,6 triệu đồng/năm) và cao nhất (694 triệu đồng/năm), phản ánh tình trạng phân hóa thu nhập rõ nét trong cộng đồng. Giá trị Sigma (Pi²) trung bình đạt 0,644, dao động từ 0,198 đến 1,001, cho thấy nhiều hộ vẫn phụ thuộc đáng kể vào một số nguồn thu nhập chính, thay vì có sự phân bổ cân bằng giữa các hoạt động sinh kế. Chỉ số LDI trung bình đạt 0,356, nằm trong ngưỡng đa dạng hóa thấp - trung bình, với khoảng dao động từ gần 0 đến 0,802. Điều này

chứng tỏ phần lớn các hộ gia đình vẫn dựa chủ yếu vào 1 - 2 nguồn sinh kế truyền thống (trồng trọt, chăn nuôi), chỉ một số ít hộ có mức đa dạng hóa sinh kế cao hơn nhờ kết hợp thêm các hoạt động như khai thác lâm sản, dịch vụ hoặc nghề thủ công. Đáng chú ý, giá trị LDI tối đa chỉ đạt 0,802, nghĩa là ngay cả những hộ có sinh kế đa dạng nhất cũng chưa đạt mức đa dạng hóa cao theo chuẩn quốc tế. Kết quả này phản ánh thách thức lớn trong việc mở rộng cơ hội sinh kế tại Sơn Động, đồng thời gợi ý nhu cầu cấp thiết về chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, phát triển dịch vụ phi nông nghiệp và khai thác các mô hình sinh kế mới gắn với lợi thế tự nhiên và văn hóa địa phương.

HÌNH 2. MỨC ĐỘ ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH HUYỆN SƠN ĐỘNG (%)



Nguồn: Số liệu khảo sát của nhiệm vụ thực hiện năm 2025.

Từ kết quả này có thể nhận định rằng, sinh kế của phần lớn hộ gia đình ở Sơn Động vẫn chưa thực sự bền vững, do phụ thuộc nhiều vào nông - lâm nghiệp quy mô nhỏ, khai thác rừng, trồng lúa, ngô và chăn nuôi gia súc, gia cầm - những hoạt động dễ bị tổn thương trước thiên tai, dịch bệnh hoặc biến động thị trường. Một bộ phận dân cư có thêm thu nhập từ buôn bán nhỏ lẻ, lao động thời vụ hoặc làm thuê, song chưa ổn định. Điều này cho thấy nhu cầu mở rộng và nâng cao mức độ đa dạng hóa sinh kế là hết sức cấp thiết, nhằm tăng khả năng chống chịu và nâng cao thu nhập. Trong tương lai, Sơn Động có nhiều tiềm năng để phát triển các loại hình sinh kế mới dựa trên thế mạnh văn hóa - tâm linh (du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm gắn với không gian Tây Yên Tử), khai thác và chế biến sản phẩm OCOP đặc trưng (dược liệu, sản phẩm nông sản, thủ công truyền thống), kết hợp với dịch vụ thương mại và các ngành nghề phi nông nghiệp. Đây có thể trở thành hướng đi quan trọng trong tiến trình giảm nghèo bền vững của địa phương.

3.4. Các giải pháp đa dạng hóa sinh kế ở huyện Sơn Động

Việc đa dạng hóa sinh kế của dân cư huyện Sơn Động góp phần giảm nghèo bền vững đòi

hỏi cần triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm mở rộng và nâng cao hiệu quả sinh kế.

Trước hết, cần đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với thực tiễn sinh kế của từng vùng, đặc biệt đối với lao động nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số, với các nội dung thiết thực như kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn, trồng dược liệu dưới tán rừng, nuôi ong, chăn nuôi vật nuôi bản địa, chế biến nông lâm sản hay kỹ năng làm du lịch cộng đồng.

Thứ hai, nhân rộng các mô hình sinh kế mới bền vững, thân thiện với môi trường và có thị trường tiêu thụ ổn định. Đây là hướng đi quan trọng nhằm giảm sự phụ thuộc vào nông nghiệp truyền thống. Những mô hình đã chứng minh hiệu quả như trồng cây dược liệu dưới tán rừng (ba kích, đẳng sâm...), phát triển cây ăn quả trên đất dốc, hay sản xuất sản phẩm OCOP từ lâm sản phụ cần được hỗ trợ mở rộng. Việc này vừa tạo nguồn thu nhập ổn định, vừa gắn với lợi thế sinh thái rừng của địa phương.

Thứ ba, thúc đẩy hình thành và củng cố các tổ hợp tác, hợp tác xã để tạo sức mạnh liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ, đồng thời tăng cường kết nối với doanh nghiệp nhằm xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường cho các sản phẩm đặc trưng địa phương. Liên kết

sản xuất giúp nông dân giảm chi phí đầu vào, nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời tăng khả năng đàm phán với thị trường. Các hợp tác xã có thể làm đầu mối trong việc chế biến, bao tiêu, xây dựng thương hiệu và kết nối với doanh nghiệp, qua đó giúp các sản phẩm đặc trưng của Sơn Động tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị.

Thứ tư, cần chú trọng khai thác thế mạnh tự nhiên và văn hóa của Sơn Động để phát triển du lịch cộng đồng, đặc biệt ở những địa bàn có tiềm năng như khu du lịch sinh thái - tâm linh Tây Yên Tử, xã Tuấn Mậu, Dương Hưu,... qua đó giúp người dân tham gia cung cấp dịch vụ lưu trú, ẩm thực, hàng lưu niệm, tổ chức trải nghiệm văn hóa bản địa. Đây là hướng đi tạo thêm thu nhập và góp phần bảo tồn, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa.

Thứ năm, mở rộng hỗ trợ tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi: Ngân hàng Chính sách xã hội và các chương trình hỗ trợ sinh kế cần ưu tiên vốn vay, kèm theo cơ chế khuyến khích để hộ nghèo, cận nghèo tham gia mô hình sản xuất liên kết, hướng tới chuỗi giá trị bền vững thay vì những hoạt động ngắn hạn, manh mún và sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đúng mục đích.

Cuối cùng, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng. Vai trò của đa dạng hóa sinh kế cần được tuyên truyền đến người dân một cách thường xuyên và sâu rộng, giúp người dân hiểu rõ lợi ích lâu dài của việc chuyển đổi sinh kế, từ đó chủ động hơn trong việc tìm kiếm cơ hội thoát nghèo một cách bền vững.

4. Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu này xuất phát từ giả thuyết rằng, đa dạng hóa sinh kế là một nhân tố quan trọng góp phần nâng cao thu nhập, tăng khả năng chống chịu rủi ro và thúc đẩy giảm nghèo bền vững tại huyện Sơn Động. Kết quả tính toán chỉ số đa dạng hóa sinh kế (LDI) cho thấy giá trị trung bình chỉ đạt 0,36 - tương ứng mức đa dạng

trung bình. Điều này phản ánh thực tế rằng, sinh kế của đa số hộ dân vẫn còn phụ thuộc vào nông - lâm nghiệp truyền thống, với quy mô nhỏ lẻ và dễ bị tổn thương trước biến động thị trường, thiên tai và dịch bệnh. Như vậy, giả thuyết nghiên cứu chỉ được chứng minh một phần: đa dạng hóa sinh kế thực sự mang lại tác động tích cực, nhưng mức độ đa dạng hiện nay chưa đủ để tạo ra sự chuyển biến căn bản trong đời sống kinh tế hộ gia đình.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra nhiều tín hiệu lạc quan. Các mô hình mới như nuôi ong, trồng dược liệu dưới tán rừng, phát triển sản phẩm OCOP hay du lịch cộng đồng đã bước đầu mang lại hiệu quả rõ rệt, khẳng định tiềm năng mở rộng và nhân rộng đa dạng hóa sinh kế nếu có sự hỗ trợ phù hợp. Những mô hình này không chỉ giúp gia tăng thu nhập mà còn góp phần bảo tồn tài nguyên rừng, phát huy giá trị văn hóa bản địa và nâng cao vị thế cộng đồng dân tộc thiểu số.

Từ những phân tích trên, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị chính sách trọng tâm: (i) Lồng ghép mục tiêu đa dạng hóa sinh kế vào các chương trình giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới, coi đây là tiêu chí đánh giá quan trọng; (ii) Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trong tiếp cận vốn, đất sản xuất, đào tạo nghề và thông tin thị trường; (iii) Phát triển các mô hình sinh kế phù hợp điều kiện đặc thù từng xã, dựa trên lợi thế về rừng, đất đai, khí hậu và văn hóa; (iv) Tăng cường vai trò liên kết của hợp tác xã và doanh nghiệp nhằm xây dựng chuỗi giá trị bền vững cho sản phẩm địa phương; (v) Đẩy mạnh truyền thông và đào tạo nghề để thay đổi nhận thức, giúp người dân chủ động tiếp cận và nhân rộng sinh kế mới.

Tóm lại, để đạt mục tiêu giảm nghèo bền vững, huyện Sơn Động không chỉ cần dựa vào sự hỗ trợ từ bên ngoài mà quan trọng hơn là phát huy nội lực của cộng đồng thông qua đa dạng

hóa sinh kế. Đây chính là chìa khóa giúp người dân miền núi không chỉ thoát nghèo về thu nhập trước mắt, mà còn từng bước nâng cao năng lực

tự chủ, chống chịu rủi ro và hướng tới phát triển toàn diện, bền vững trong tương lai.

Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở: “Đa dạng hóa các loại hình sinh kế góp phần giảm nghèo bền vững cho dân cư huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang” theo Hợp đồng số 07/HĐKH-ĐLNV ngày 03/02/2025.

Tài liệu tham khảo

1. Cổng thông tin điện tử huyện Sơn Động (2023). *Sơn Động: Gìn giữ, phát huy nét đẹp của đồng bào các dân tộc*, truy cập ngày 27/2/2025 tại địa chỉ https://sondong.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/C55IVjY8YjNe/content/son-ong-gin-giu-phat-huy-net-ep-cua-ong-bao-cac-dan-toc.
2. Chambers, R. and G. R. Conway (1991). *Sustainable rural livelihoods: practical concepts for the 21st century*, IDS Discussion Paper No 296.
3. DFID (1999). *Sustainable Livelihoods Guidance Sheets*. Department for International Development, London.
4. Huỳnh Ngọc Thu, Lê Thị Mỹ Hà (2022). Sinh kế bền vững của người K’ho ở Lâm Đồng: nhận diện từ các nguồn vốn. *Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một*, Số 4 (59)-2022.
5. Nguyen Duc Bao et al (2023). Sustainable Livelihoods of Ethnic Minority Households in Hoang Su Phi District, Ha Giang Province. *VNU Journal of Economics and Business*, Vol. 3, No. 1 (2023) 70-80.
6. Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Hồ Thị Hà (2024). Đảm bảo sinh kế bền vững cho dân tộc thiểu số Tây Nam Bộ gắn với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ an ninh biên giới. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, Số 24/2024 tr 190-193.
7. Nguyen Van Tam, Pham Ngoc Vu (2023). Livelihood Capital And Livelihood Vulnerability of San Chay farmers in Phu Luong District, Thai Nguyen Province. *TNU Journal of Science and Technology* 228(11): 184 – 191.
8. Nông Thị Vân Anh và nnk (2024). Đánh giá tính bền vững sinh kế dựa vào hoạt động sản xuất miền dong: nghiên cứu trường hợp huyện Nguyên Bình và huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. *HNUE Journal of Science, Social Sciences* 2024, Volume 69, Issue 1, pp.164-176.
9. Scoones, I. (1998). *Sustainable Rural Livelihoods: A Framework for Analysis*. IDS Working Paper 72, Institute of Development Studies, University of Sussex.
10. Trịnh Thị Hạnh (2021)^a. *Phát triển bền vững dưới góc nhìn của khung sinh kế*. Đại học Công nghiệp Hà Nội.
11. Trịnh Thị Hạnh (2021)^b. Văn hóa - Nguồn vốn cần bổ sung trong lý thuyết nghiên cứu về khung sinh kế bền vững. *Tạp chí Văn hóa*, Số 461, tháng 5/2021, tr29-31, 35.
12. UBND huyện Sơn Động (2024)^a. *Báo cáo số 220/BC-UBND ngày 10/12/2024 về Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình huyện Sơn Động năm 2024*.
13. UBND huyện Sơn Động (2024)^b. *Báo cáo số 538/BC-UBND ngày 16/12/2024 về Kết quả ước thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024*.

14. UBND huyện Sơn Động (2024)^c. *Tờ trình số 526/TTr-UBND ngày 10/12/2024 về việc tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2025.*
15. Vũ Đình Mười (2023). Một số vấn đề về phát triển sinh kế bền vững của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long: nghiên cứu tại tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6 tr 3-16.

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Thị Hòa, ThS

- Đơn vị công tác: Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững.

- Địa chỉ email: nguyenhhoa.iesd@gmail.com

2. Lê Thu Quỳnh, ThS

- Đơn vị công tác: Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững.

3. Phạm Mạnh Hà, ThS

- Đơn vị công tác: Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững.

Ngày nhận bài: 25/3/2025

Ngày nhận bản sửa: 26/4/2025

Ngày duyệt đăng: 20/5/2025